

QUY CHẾ
ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CHO HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành theo quyết định số 28 /QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH, ngày 28/01/2013 của

Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

Chương 1.	QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2.	Mục tiêu và phương thức đào tạo	4
Điều 3.	Tín chỉ học tập – Tín chỉ học phí.....	4
Điều 4.	Học phần.....	5
Điều 5.	Học kỳ, năm học	7
Điều 6.	Khoá học	7
Điều 7.	Chương trình giáo dục đại học, cao đẳng	8
Chương 2.	TỔ CHỨC ĐÀO TẠO	10
Điều 8.	Chế độ học tập của sinh viên.....	10
Điều 9.	Bảo lưu kết quả trúng tuyển	11
Điều 10.	Tổ chức lớp.....	11
Điều 11.	Đăng ký chuyên ngành.....	12
Điều 12.	Thông báo kế hoạch đào tạo của Trường.....	12
Điều 13.	Đăng ký học tập	13
Điều 14.	Trách nhiệm của sinh viên và cố vấn học tập	14
Điều 15.	Cảnh cáo học vụ và đình chỉ học tập.....	15
Điều 16.	Thôi học, tạm dừng học tập.....	16
Điều 17.	Học cùng lúc hai ngành đào tạo.....	17

Điều 18. Điều kiện để chuyển ngành, chuyển trường.....	17
Chương 3. KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN	19
Điều 19. Điều kiện dự thi kết thúc học phần.....	19
Điều 20. Đánh giá kết quả học tập của học phần.....	19
Điều 21. Tổ chức các kỳ thi kết thúc học phần.....	21
Điều 22. Không hoàn tất học phần	21
Điều 23. Điểm bảo lưu – Điểm M	23
Điều 24. Các loại điểm.....	23
Điều 25. Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, xếp loại	24
Điều 26. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, kết thúc học phần.....	25
Điều 27. Chấm phúc tra	25
Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy chế thi, kiểm tra.....	26
Điều 29. Xin cấp bằng điểm.....	26
Chương 4. CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP	27
Điều 30. Thực tập, làm khoá luận hoặc học chuyên đề tốt nghiệp.....	27
Điều 31. Chấm thực tập, khoá luận tốt nghiệp.....	28
Điều 32. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp	29
Điều 33. Cấp bằng tốt nghiệp.....	30
Chương 5. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	31

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐHCNTT	Đại học Công nghệ Thông tin
ĐHQG-HCM	Đại học Quốc Gia Hồ Chí Minh
P. ĐTĐH	Phòng Đào tạo Đại học
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
XHCN	Xã hội Chủ nghĩa
TCHP	Tín chỉ học phí

Chương 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định những điều chung nhất về đào tạo hệ Đại học chính quy của Trường ĐHCNTT thuộc ĐHQG-HCM.

Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học của Trường ĐHCNTT. Quy chế đào tạo của các chương trình đặc biệt của Trường được điều chỉnh cho phù hợp với đặc thù của chương trình dựa trên cơ sở quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu và phương thức đào tạo

Quá trình đào tạo của Trường ĐHCNTT nhằm mục đích tạo ra những con người có trình độ đại học, có chuẩn mực cao về kiến thức, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước theo định hướng XHCN.

Phương thức đào tạo của Trường ĐHCNTT theo học chế tín chỉ, giúp cho sinh viên có thể tích lũy kiến thức trong mọi thời điểm, đồng thời cũng yêu cầu ở sinh viên tính tích cực, chủ động trong việc lập kế hoạch học tập cá nhân nhằm tạo nên hiệu quả cao trong học tập và rèn luyện.

Điều 3. Tín chỉ học tập – Tín chỉ học phí

3.1. Tín chỉ học tập:

- Tín chỉ học tập: Là đơn vị dùng để xác định thời gian, khối lượng học tập của sinh viên và khối lượng giảng dạy của giảng viên, đồng thời là đơn vị dùng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên số lượng tín chỉ học tập đã tích lũy được.
- Một tín chỉ học tập được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết. Một tiết học được quy định là 45 phút.

- Cứ 30 tiết thảo luận trên lớp, thí nghiệm, thực hành tại phòng máy hoặc 45 – 60 tiết thực tập, kiến tập, chuẩn bị khoá luận được tính tương đương 1 tín chỉ học tập.
- Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (tự học) và giảng viên phải dành ít nhất 30 giờ để soạn giáo án, bài tập tình huống, soạn đề cương chi tiết, chấm bài tập về nhà, bài thi, giải đáp cho sinh viên hoặc phát triển học phần.
- Số tiết, số tín chỉ, thời gian tự học, thời gian làm việc của giảng viên, cách đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của từng học phần.
- Sau đây tín chỉ học tập được gọi tắt là tín chỉ.

3.2. **Tín chỉ học phí (TCHP)** là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy tính cho từng học phần. Số TCHP của mỗi học phần được xác định căn cứ vào đề cương và cách thức tổ chức học phần cụ thể như sau:

- Phần giảng dạy lý thuyết: 15 tiết tương đương với 1 TCHP.
- Phần giảng dạy thực hành, thí nghiệm, thảo luận: 15 tiết tương đương với 1 TCHP
- Một số học phần đặc biệt được xác định số TCHP riêng như: học phần Giáo dục quốc phòng, thực tập tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp ... sẽ được Hiệu trưởng ban hành.

Đầu năm học, nhà trường công bố mức học phí cho mỗi TCHP. Học phí học kỳ mà mỗi sinh viên phải đóng được xác định bằng tích số của mức học phí mỗi TCHP và tổng số tín chỉ học phí của các học phần mà sinh viên đăng ký trong học kỳ đó.

Điều 4. Học phần

4.1. **Học phần** là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn

trong một học kỳ. Mỗi học phần thực hành, thí nghiệm, kiến tập,... có khối lượng từ 1 – 3 tín chỉ, mỗi học phần lý thuyết hoặc học phần có cả lý thuyết và thực hành có khối lượng từ 2 – 4 tín chỉ. Khoá luận tốt nghiệp là học phần đặc biệt có khối lượng tương đương 10 tín chỉ.

Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã riêng, do trường quy định.

4.2. Các loại học phần

- Học phần bắt buộc: là học phần bắt buộc mọi sinh viên phải học và tích lũy (đạt được) theo ngành hoặc chuyên ngành mình đã chọn.
- Học phần tự chọn: là học phần sinh viên có thể đăng ký học hay không tùy theo nguyện vọng.
- Học phần chung (Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ ...) là các học phần được giảng dạy và học tập chung cho các ngành theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của ĐHQG-HCM.
- Học phần tự chọn định hướng: là học phần mà sinh viên phải chọn trong các học phần quy định cho một ngành học cụ thể.
- Học phần tiên quyết: là học phần bắt buộc sinh viên phải học trước và thi đạt mới được học tiếp sang học phần có liên quan khác.
- Học phần học trước: là học phần sinh viên phải học trước khi học các học phần có liên quan khác. Học phần học trước có thể thi đạt hoặc không đạt.
- Học phần song hành: Hai học phần được gọi là song hành khi sinh viên đăng ký học phần này thì bắt buộc phải đăng ký học phần kia.
- Học phần thay thế: là học phần được sử dụng khi một học phần thuộc chương trình giáo dục thay đổi hoặc điều chỉnh, không còn tổ chức giảng dạy. Học phần thay thế có thời lượng tương đương nhưng nội dung có thể khác với học phần không còn tổ chức giảng dạy, do khoa phụ trách chuyên môn quy định.
- Học phần tương đương: là học phần có nội dung kiến thức và thời lượng tương đương với một học phần khác.

- Học phần tích lũy: là học phần có kết quả tổng kết học phần được từ điểm 5,0 trở lên.

Điều 5. Học kỳ, năm học

5.1. **Học kỳ** là thời gian để sinh viên hoàn thành một số học phần của chương trình đào tạo. Trong mỗi học kỳ có quy định khối lượng kiến thức tối thiểu buộc sinh viên phải tích lũy.

Một học kỳ chính có 15 tuần thực học và 2 đến 3 tuần dành cho đánh giá hoạt động đào tạo (thi cuối kỳ, thi giữa kỳ, kiểm tra ...). Một học kỳ hè có 7 – 8 tuần thực học và 1 tuần thi.

5.2. **Năm học** có 2 học kỳ chính. Tùy theo điều kiện, trường có thể tổ chức thêm học kỳ hè dành cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được đăng ký học lại và những sinh viên học giỏi có điều kiện kết thúc sớm chương trình đào tạo.

Đầu năm học, Hiệu trưởng ban hành kế hoạch học tập của năm học đó. Kế hoạch học tập của mỗi học kỳ và năm học bao gồm thời gian biểu tiến hành các hoạt động giảng dạy, học tập, lịch đánh giá hoạt động đào tạo, kể cả các ngày nghỉ lễ Tết, nghỉ hè. Kế hoạch học tập được công bố rộng rãi trên website trường và bản tin hoặc sổ tay sinh viên.

Điều 6. Khoá học

6.1. **Khoá học** là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành chương trình giáo dục của một ngành chuyên môn ở trình độ đại học.

Một khoá học của Trường ĐHCNTT được thực hiện như sau: 4,5 năm đối với các ngành đào tạo kỹ sư và 4 năm đối với các ngành đào tạo cử nhân.

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 140 tín chỉ đối với chương trình đào tạo Kỹ sư và 120 tín chỉ đối với chương trình đào tạo Cử nhân.

Tổng số tín chỉ của mỗi chương trình giáo dục (không kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất) do Hiệu trưởng quyết định ban hành.

- 6.2. Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học như sau:

Sinh viên được phép rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính và kéo dài tối đa 4 học kỳ chính. Quá thời hạn tối đa của khóa học, sinh viên sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên chính quy của Trường. Nếu sinh viên có nguyện vọng tiếp tục hoàn thành chương trình đào tạo có thể làm đơn đề được xem xét hưởng chế độ như sinh viên tự do được quy định tại khoản 2, điều 8 của quy chế này.

- 6.3. Các sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên (nhóm ưu tiên 1 và 2 theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng) được kéo dài thêm 2 học kỳ chính so với quy định tại khoản 2, điều 6 của quy chế này.

- 6.4. Căn cứ vào tình hình thực tế đào tạo, Hiệu trưởng có thể quy định mở rộng thời gian tối đa của một khóa đào tạo nhưng không vượt quá 02 lần thời gian thiết kế cho khóa học.

Điều 7. Chương trình giáo dục

- 7.1. Chương trình giáo dục của mỗi ngành đào tạo do trường xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM, được bổ sung cập nhật nội dung chương trình giáo dục tiên tiến quốc tế theo định hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội đất nước và hội nhập quốc tế. Chương trình phải thể hiện rõ trình độ đào tạo, đối tượng đào tạo, mục tiêu giáo dục, cơ cấu nội dung các học phần, thời gian đào tạo, phương pháp đào tạo, tỷ lệ phân bổ thời gian đào tạo giữa các học phần cơ bản và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành, có khả năng liên thông giữa các bậc và các ngành đào tạo khác, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp. Tổng số tín chỉ của các chương trình giáo dục tối thiểu là 140 tín chỉ đối với chương trình đào tạo Kỹ sư và 120 tín chỉ đối với chương trình đào tạo Cử nhân. Chương trình giáo dục được

Hiệu trưởng phê duyệt theo đề nghị của Trưởng khoa chuyên môn và Trưởng P. ĐTDH.

7.2. Chương trình giáo dục bao gồm hai khối kiến thức:

- i. Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở nhóm ngành bao gồm các học phần thuộc các lĩnh vực: lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và toán, ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và các kiến thức cơ bản chung cho nhóm ngành Công nghệ Thông tin, nhằm trang bị cho sinh viên nền học vấn rộng để tiếp thu tốt kiến thức chuyên môn, tạo tiềm lực cho người được đào tạo dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc, tự cập nhật kiến thức trước tình hình phát triển nhanh của khoa học và công nghệ. Khối kiến thức này được tổ chức đào tạo chủ yếu trong 4 học kỳ đầu.
- ii. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm các học phần cơ sở phục vụ chuyên ngành và các học phần chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được quy định cụ thể trong từng chương trình đào tạo.

7.3. Mỗi khối kiến thức có 2 nhóm học phần như sau:

- i. Nhóm học phần bắt buộc gồm những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của ngành đào tạo, bắt buộc sinh viên phải đăng ký học và tích lũy.
- ii. Nhóm học phần tự chọn gồm những học phần chứa đựng những nội dung cần thiết nhưng sinh viên chọn lựa để tích lũy đủ số tín chỉ quy định. Sinh viên chọn lựa những học phần này theo hướng dẫn của cố vấn học tập.

7.4. Các học phần trong chương trình đào tạo được sắp xếp theo trình tự nhất định vào từng học kỳ của khóa đào tạo. Đây là trình tự mà trường khuyến cáo sinh viên nên tuân thủ để thuận lợi nhất cho việc tiếp thu kiến thức.

Chương 2. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 8. Chế độ học tập của sinh viên

8.1. Sinh viên chính quy

- Sinh viên chính quy là các thí sinh trúng tuyển qua kỳ thi tuyển sinh đại học vào hệ chính quy của trường và đã hoàn tất các thủ tục nhập học theo quy định của trường.
- Trường tổ chức đào tạo theo phương thức chính quy tập trung toàn thời gian cho sinh viên hệ chính quy.
- Mỗi sinh viên hệ chính quy đều có một mã số riêng theo quy định của trường.
- Sinh viên phải chấp hành quy chế hiện hành về công tác sinh viên của trường ĐHCNTT và các chính sách dành cho sinh viên hệ chính quy.

8.2. Sinh viên tự do

- Là những sinh viên không thuộc diện quản lý sinh viên của trường, được trường cho phép đăng ký học dự thính một số học phần nhằm đáp ứng mục đích, yêu cầu riêng.
- Sinh viên tự do không được hưởng chính sách dành cho sinh viên chính quy, phải đóng học phí theo mức riêng do không được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
- Các trường hợp sau đây được gọi là sinh viên tự do:

- i. Nguyên là sinh viên chính quy của trường, không bị kỷ luật đến mức buộc thôi học, đã hết thời hạn tối đa của khóa học nhưng chưa quá 2 lần thời hạn này và chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do còn nợ một số học phần.

Những sinh viên này có thể nộp đơn xin phép học dự thính những học phần còn thiếu để hoàn tất chương trình đào tạo mà sinh viên đã theo học trước đây. Đối với từng trường hợp cụ thể ở tại thời điểm xem xét, các sinh viên này có thể sẽ được yêu cầu học bổ sung hoặc học lại một

số học phần đã quá thời hạn đào tạo và có nội dung thay đổi đáng kể so với chương trình đào tạo tại thời điểm xét tốt nghiệp.

Căn cứ đề nghị của khoa chuyên môn và P. ĐTDH, Hiệu trưởng quyết định các học phần sinh viên phải học lại để được xét cấp bằng tốt nghiệp.

- ii. Sinh viên các trường khác có nhu cầu học bổ túc kiến thức một số học phần, được trường xem xét cho phép đăng ký học dự thính.
 - iii. Những cá nhân khác có nhu cầu bổ túc kiến thức phục vụ cho công việc cá nhân và được sự chấp thuận của Hiệu trưởng.
- Sinh viên tự do được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận kết quả các học phần nếu thực hiện đầy đủ các quy định về đào tạo của trường.

8.3. Sinh viên và năm học

Dựa trên số tín chỉ tích lũy được, sinh viên sẽ được đánh giá tương đương sinh viên năm thứ k với $k = (n \text{ div } 30) + 1$, trong đó n là số tín chỉ tích lũy được cho đến thời điểm đang xét.

Điều 9. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

Sau khi đã thi đậu ở kỳ thi tuyển sinh, do một số hoàn cảnh đặc biệt như bệnh tật, tai nạn, hoàn cảnh khó khăn xảy ra đột xuất, thí sinh trúng tuyển có thể xin bảo lưu kết quả thi tuyển. Thí sinh trúng tuyển phải nộp đơn xin bảo lưu chậm nhất 15 ngày kể từ ngày gọi nhập học cho P. ĐTDH của trường và chỉ được bảo lưu khi có quyết định chấp thuận của Hiệu trưởng.

Thời gian bảo lưu không quá 01 năm. Muốn nhập học lại, thí sinh phải làm đơn xin nhập học kèm theo quyết định bảo lưu nộp P. ĐTDH của trường trước khi bắt đầu năm học mới ít nhất 1 tháng để được giải quyết.

Điều 10. Tổ chức lớp

10.1. Lớp học phần: Những sinh viên theo học cùng một học phần trong cùng một khoảng thời gian và cùng một giảng viên tạo thành một lớp học phần. Mỗi

lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định. Lớp học phần sẽ được mở nếu số lượng sinh viên đăng ký :

- Tối thiểu là 50 sinh viên đối với các môn cơ bản chung, các môn cơ sở nhóm ngành.
- Tối thiểu là 30 sinh viên đối với các môn còn lại.
- Trong trường hợp bất khả kháng, nếu số lượng sinh viên ít hơn mức tối thiểu, Hiệu trưởng sẽ xem xét cho phép mở lớp theo đề nghị của khoa chuyên môn và P. ĐTDH. Các học phần đặc biệt như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp được mở không hạn chế số lượng.

10.2. Lớp sinh hoạt: Những sinh viên cùng khoá tuyển của một khoa được tổ chức thành một lớp sinh hoạt. Lớp sinh hoạt có mã số riêng. Mỗi lớp sinh hoạt sẽ có một cố vấn học tập và một ban cán sự lớp.

Lớp sinh hoạt nhằm mục đích tạo điều kiện cho sinh viên thuận tiện trong sinh hoạt chính trị và đoàn thể.

Điều 11. Đăng ký chuyên ngành

Sau khi học xong học kỳ thứ 5, sinh viên sẽ đăng ký chọn chuyên ngành theo nguyện vọng.

Việc xét đăng ký chuyên ngành sẽ dựa vào:

- Chỉ tiêu tuyển của mỗi chuyên ngành.
- Chỉ tiêu do Bộ môn đề nghị, Khoa quyết định sau khi báo cáo và được sự chấp thuận của trường.
- Điểm trung bình chung tích lũy theo nguyện vọng. Sinh viên có thể được đăng ký 2 nguyện vọng, nếu không đạt nguyện vọng 1, sinh viên sẽ được xem xét nguyện vọng 2. Nếu nguyện vọng 2 không đạt thì sinh viên được sắp vào chuyên ngành chưa đủ chỉ tiêu.

Điều 12. Thông báo kế hoạch đào tạo của Trường

12.1. Đầu khoá học, Trường thông báo cho sinh viên về:

- Kế hoạch, thời khóa biểu giảng dạy học tập của học kỳ, năm học.

- Chương trình giáo dục toàn khoá cho từng ngành học.
- Quy chế học tập và các quy định của trường.
- Quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên.

12.2. Đầu mỗi học kỳ, trường có trách nhiệm thông báo cho sinh viên về:

- Danh mục các học phần và số lượng tín chỉ của mỗi học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, điều kiện để đăng ký học các học phần đó.
- Số lớp học dự kiến tổ chức cho mỗi học phần và thời khóa biểu cho các lớp học.

Điều 13. Đăng ký học tập

Đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải tìm hiểu, nghiên cứu để nắm được chương trình giáo dục, các học phần được mở trong học kỳ và đăng ký các học phần qua hệ thống đăng ký hoặc bằng phiếu đăng ký theo quy định của Trường.

Riêng sinh viên khóa tuyển mới, học kỳ đầu tiên sẽ học theo thời khóa biểu được xếp sẵn theo kế hoạch giảng dạy.

13.1. Số tín chỉ tối thiểu, tối đa

- Số tín chỉ đăng ký học cho mỗi học kỳ chính không ít hơn 14 và không vượt quá 30, mỗi học kỳ hè không vượt quá 12 tín chỉ.
- Tổng số tín chỉ của các học phần học lại, cải thiện và các học phần mới không được đăng ký vượt quá số tín chỉ tối đa quy định cho mỗi học kỳ.
- Trong trường hợp đặc biệt sinh viên muốn đăng ký vượt quá số tín chỉ tối đa hoặc ít hơn số tín chỉ tối thiểu phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng.
- Đối với những sinh viên có học kỳ cuối còn lại ít hơn 14 tín chỉ theo chương trình đào tạo của khóa học thì không áp dụng quy định số tín chỉ tối thiểu.

13.2. Đăng ký học lại: Sinh viên phải đăng ký học lại các học phần bắt buộc có điểm học phần dưới 5,0 ở các học kỳ trước. Đối với các học phần tự chọn, nếu điểm dưới 5,0 sinh viên được phép đăng ký học lại học phần đó hoặc

chọn học phần khác thay thế trong số các học phần tự chọn quy định cho mỗi ngành đào tạo.

Nếu sinh viên đăng ký học phần tự chọn khác để thay thế thì phải làm đơn xin hủy học phần tự chọn thì không đạt trước đây.

13.3. Đăng ký cải thiện điểm

Đối với học phần có kết quả đạt (ngoại trừ học phần ngoại ngữ), sinh viên muốn cải thiện điểm phải đăng ký học lại học phần đó. Sinh viên chỉ được cải thiện trong vòng hai học kỳ chính tiếp theo.

Trường sẽ hủy kết quả học phần xin cải thiện điểm. Điểm tổng kết của học phần cải thiện là điểm của học phần.

Tổng số tín chỉ đăng ký thi cải thiện ở học kỳ nào thì được tính vào số tín chỉ đăng ký học ở học kỳ đó theo quy định tại mục 1 điều 13 của quy chế này. Trong trường hợp đặc biệt, sinh viên có thể làm đơn để Hiệu trưởng xem xét giải quyết.

13.4. Việc đăng ký học phần được tổ chức theo quy trình đăng ký học phần của trường.

Điều 14. Trách nhiệm của sinh viên và cố vấn học tập

14.1. Sinh viên có trách nhiệm theo dõi kết quả đăng ký học phần tại P. ĐTĐH hoặc văn phòng khoa. Kết quả đăng ký học phần của mỗi sinh viên được thông báo ở phiếu học tập hoặc trên website của trường. Kết quả đăng ký học phần ghi rõ tên học phần, mã học phần, số tín chỉ của mỗi học phần, lịch học của các học phần.

14.2. Sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu như lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra thường kỳ và thi kết thúc học phần.

14.3. Mỗi lớp sinh hoạt sẽ có một cố vấn học tập. Cố vấn học tập do Trưởng khoa đề nghị và Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm. Cố vấn học tập có trách nhiệm hướng dẫn cho sinh viên thực hiện quy chế và những quy định của Trường,

giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập, lựa chọn chuyên ngành, đăng ký các học phần tự chọn định hướng cho ngành học của mình, tư vấn cho sinh viên sinh hoạt, rèn luyện và tham gia công tác đoàn thể, xã hội.

Điều 15. Cảnh cáo học vụ và đình chỉ học tập

Hàng năm, trường sẽ tiến hành xử lý học vụ theo 2 đợt : sau học kỳ 1 và sau học kỳ hè. Kết quả học tập của học kỳ hè sẽ được tính chung vào kết quả học tập học kỳ 2 của năm học tương ứng để xem xét xử lý học vụ.

15.1. Cảnh cáo học vụ

Sinh viên bị cảnh cáo học vụ nếu vi phạm một trong những trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời gian quy định của trường.
- Tại thời điểm đang xét, sinh viên không đạt số tín chỉ tích lũy tối thiểu của năm tương ứng được quy định tại khoản 3 điều 8 của quy chế này.
- Có điểm trung bình chung học kỳ dưới 3,0 hoặc điểm trung bình chung của 2 học kỳ liên tiếp dưới 4,0.

Sinh viên bị cảnh cáo học vụ chỉ được đăng ký học lại các học phần chưa đạt và một vài học phần mới do trường quy định.

Thời hạn cảnh cáo học vụ kéo dài trong một học kỳ chính tiếp theo. Sinh viên sẽ được xóa tên khỏi danh sách cảnh cáo học vụ trước thời hạn nếu có kết quả học tập ở cuối học kỳ kế tiếp không còn vi phạm các điều trên.

15.2. Buộc thôi học

Sinh viên bị buộc thôi học nếu vi phạm một trong những trường hợp sau:

- Tự ý bỏ học hoặc bỏ thi từ một học kỳ chính trở lên (điểm trung bình chung học kỳ bằng 0)
- Có điểm trung bình chung học kỳ dưới 2,0 hoặc điểm trung bình chung của 2 học kỳ liên tiếp dưới 3,0.
- Sau thời hạn bị cảnh cáo học vụ vẫn vi phạm các quy định của khoản 1, điều 15 của quy chế này.

- Bị kỷ luật vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ.

Sinh viên thuộc diện buộc thôi học bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên. Trường sẽ có trách nhiệm thông báo về địa phương và gia đình sinh viên biết chậm nhất một tháng sau khi có quyết định buộc thôi học.

Sinh viên thuộc diện buộc thôi học vì kết quả học tập, nếu có nguyện vọng chuyển trường phải làm đơn để trường xem xét từng trường hợp cụ thể.

Điều 16. Thôi học, tạm dừng học tập

16.1. Trường hợp vì hoàn cảnh cá nhân, sinh viên có thể gửi đơn xin thôi học.

Trường sẽ xem xét ra quyết định cho phép thôi học và xóa tên khỏi danh sách sinh viên.

16.2. Sinh viên được quyền xin tạm dừng học tập và được bảo lưu kết quả học tập trong các trường hợp sau:

- Được điều động vào lực lượng vũ trang.
- Bị đau ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.
- Trường hợp vì lý do cá nhân, sinh viên phải học ít nhất một năm học ở trường và không rơi vào các trường hợp bị đình chỉ học tập.

16.3. Thời gian tạm dừng học tập từ 01 đến tối đa 02 học kỳ chính liên tiếp, được tính vào thời gian tối đa hoàn thành khóa học được quy định tại điều 6 của quy chế này, ngoại trừ trường hợp thi hành nghĩa vụ quân sự.

16.4. Sinh viên tạm dừng học tập, khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải hoàn tất thủ tục nhập học theo quy định của trường.

Điều 17. Học cùng lúc hai ngành đào tạo

17.1. Sinh viên học cùng lúc hai ngành đào tạo là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một ngành đào tạo thứ hai khác với ngành đào tạo chính khi sinh viên đăng ký thi vào trường để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

17.2. Điều kiện để học cùng lúc hai ngành:

- Sinh viên phải tích lũy được số tín chỉ tương đương 3 học kỳ đầu tiên theo chương trình đào tạo.
- Sinh viên phải đạt học lực từ giỏi trở lên tại thời điểm xin học ngành thứ hai.

17.3. Sinh viên đang học ngành thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp loại học lực trung bình của một trong hai ngành thì phải dừng học ngành thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

17.4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai ngành là thời gian tối đa quy định cho ngành học thứ nhất được quy định tại khoản 2 điều 6 của quy chế này.

17.5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp ngành thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ngành thứ nhất.

Điều 18. Điều kiện để chuyển ngành, chuyển trường

18.1. Chuyển ngành

Sinh viên được xem xét chuyển ngành nếu có đủ các điều kiện sau:

- Đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề chung và có kết quả thi bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển của ngành xin chuyển đến.
- Không phải là sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối của thời gian thiết kế khóa học.
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

- Đạt số tín chỉ tích lũy tối thiểu quy định tại khoản 3 điều 8 và có điểm trung bình chung tích lũy từ 6.5 trở lên.
- Được sự chấp thuận của hai Trường khoa chuyển đến và chuyển đi.

18.2. Chuyển trường

i. Sinh viên được chuyển Trường nếu có đủ các điều kiện sau:

- Trong thời gian học tập, nếu gia đình sinh viên chuyển hộ khẩu thường trú, chuyển nơi công tác hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để có điều kiện học tập.
- Trường xin chuyển đi và trường tiếp nhận có cùng ngành học hoặc cùng nhóm ngành đào tạo.
- Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường tiếp nhận.

ii. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

- Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh nhưng không trúng tuyển hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường, ngành xin chuyển đến.
- Sinh viên có hộ khẩu thường trú thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến.
- Sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối của thời gian thiết kế khóa học.
- Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo toàn trường trở lên.

18.3. Sinh viên xin chuyển trường phải có hồ sơ xin chuyển trường theo mẫu quy định thống nhất của Bộ GD&ĐT.

Chương 3. KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

19.1. Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

i. Học phần lý thuyết:

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên thời gian quy định cho học phần đó, trừ những sinh viên được Hiệu trưởng cho phép học thêm ngành chuyên môn khác.
- Sinh viên phải dự đủ các đợt kiểm tra giữa học kỳ và các buổi thảo luận ở lớp.

ii. Học phần thực hành:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ thời gian quy định cho học phần thực hành.
- Nộp đầy đủ các bài kiểm tra sau mỗi bài thực tập.

19.2. Sinh viên nào không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nào thì phải đăng ký học lại học phần đó ở học kỳ sau.

Điều 20. Đánh giá kết quả học tập của học phần

20.1. Thang điểm đánh giá

Các loại điểm của học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 4 và thang điểm chữ chỉ mang tính tham khảo, chuyển đổi khi cần thiết, không dùng để ghi và phân loại đánh giá.

Bảng xếp loại và thang điểm tương ứng

Loại	Điểm trung bình	Xếp loại
Đạt	Từ 9 đến 10	Xuất sắc
	Từ 8 đến cận 9	Giỏi
	Từ 7 đến cận 8	Khá
	Từ 6 đến cận 7	Trung bình khá
	Từ 5 đến cận 6	Trung bình
Không	Từ 4 đến cận 5	Yếu

đạt	Dưới 4	Kém
-----	--------	-----

Bảng thang điểm quy đổi

Thang điểm 10	Điểm 4	Điểm chữ
9,0 đến 10,0	4,0	A+
8,0 đến cận 9,0	3,5	A
7,0 đến cận 8,0	3,0	B+
6,0 đến cận 7,0	2,5	B
5,0 đến cận 6,0	2,0	C
4,0 đến cận 5,0	1,5	D+
3,0 đến cận 4,0	1,0	D
< 3,0	0,0	F

20.2. Điểm cuối cùng để đánh giá một học phần được gọi là điểm học phần.

Điểm học phần được đánh giá dựa trên kết quả học tập toàn diện của sinh viên trong suốt học kỳ đối với học phần đó.

Ngoài điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần có thể bao gồm các loại điểm thành phần sau:

- Điểm kiểm tra giữa học kỳ.
- Điểm đánh giá năng lực hoặc nhận thức của sinh viên trong các buổi thảo luận.
- Điểm đánh giá kết quả thực hành hoặc bài tập.
- Điểm đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên trong quá trình học tập.

Mỗi loại điểm thành phần có hệ số riêng được quy định trong đề cương chi tiết của từng học phần và được cán bộ giảng dạy thông báo rộng rãi đến sinh viên trong tuần đầu tiên của học kỳ. Điểm học phần sẽ là điểm trung bình tính theo hệ số của điểm thi kết thúc học phần và các điểm thành phần, tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến 0,5.

Đối với các học phần đã đăng ký và đã được chấp thuận, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và nghiêm túc mọi yêu cầu của cán bộ giảng dạy về

việc lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra giữa học phần và kết thúc học phần. Nếu không thực hiện phần việc nào, sinh viên sẽ nhận điểm không (0) cho điểm thành phần tương ứng.

20.3. Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được coi là học phần tích lũy, số tín chỉ của học phần này được tính vào số tín chỉ tích lũy.

20.4. Cách tính điểm cuối cùng của một học phần được quy định tại điều 25 của quy chế này.

Điều 21. Tổ chức các kỳ thi kết thúc học phần

Mỗi học kỳ trường chỉ tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần ngay sau khi kết thúc học kỳ theo kế hoạch giảng dạy và học tập của trường.

Hiệu trưởng quy định thời gian ôn thi và thi. Không tổ chức thi ngoài các kỳ thi đã thông báo.

Điều 22. Không hoàn tất học phần

Vì những lý do chính đáng không thể dự thi, kiểm tra (ốm đau, tai nạn, việc gia đình đột xuất,...) sinh viên sẽ được xem xét giải quyết cho nhận điểm chưa hoàn tất học phần (hoãn thi), ký hiệu bằng chữ I.

22.1. Trước khi kết thúc học kỳ, sinh viên phải nộp đơn trình bày rõ lý do không thể hoàn tất học phần cùng các giấy tờ xác nhận cần thiết cho cán bộ giảng dạy học phần đó và P. ĐTDH. Trường hợp đột xuất và có lý do chính đáng, sinh viên phải nộp trong vòng 3 ngày kể từ ngày thi để được xem xét.

22.2. Cán bộ giảng dạy phụ trách học phần, Khoa chuyên môn và P. ĐTDH sẽ xem xét và quyết định sinh viên có được nhận điểm I hay không. Nếu không được chấp thuận, sinh viên tự ý bỏ thi sẽ nhận điểm không (0) cho học phần đó.

22.3. Nếu được nhận điểm I, trong thời gian tối đa là 2 học kỳ chính tiếp theo, sinh viên phải làm đơn đăng ký thi lại học phần đó. Sau khi thi, điểm I sẽ

được đổi thành điểm mà sinh viên đạt được. Ngược lại, qua hai học kỳ, nếu sinh viên không đăng ký thi lại thì điểm I sẽ bị đổi thành điểm không (0).

22.4. Sinh viên nhận điểm I trong học kỳ nào sẽ không được xét học bổng khuyến khích của học kỳ đó.

Điều 23. Điểm bảo lưu – Điểm M

- 23.1. Sinh viên đã thi đạt yêu cầu một học phần ở một cơ sở đào tạo bậc Đại học khác trong thời gian không quá 5 năm nếu muốn xin miễn học phần đó, cần phải làm đơn kèm theo xác nhận (số tiết học, số tín chỉ và điểm) gửi về P. ĐTDH của trường trong vòng 1 tháng sau khi bắt đầu học kỳ. Trường có thể yêu cầu sinh viên cung cấp đề cương chi tiết của học phần có xác nhận của nơi sinh viên đã học. Nếu được chấp thuận thì học phần đó sẽ được điểm mà sinh viên đã đạt và kèm theo chữ bảo lưu (BL).
- 23.2. Trong trường hợp sinh viên đã đạt được kết quả cho một học phần ở một cơ sở đào tạo bậc Đại học khác mà điểm không xác định cụ thể, sinh viên phải làm đơn kèm xác nhận về P. ĐTDH để xem xét. Trong trường hợp đó, P. ĐTDH sẽ ghi điểm học phần bằng ký hiệu (M) để phân biệt với loại điểm mà sinh viên tích lũy được bằng cách thi.
- 23.3. Nếu muốn nhận điểm cao hơn điểm bảo lưu hoặc không muốn nhận điểm M nói trên, sinh viên phải đăng ký học và dự thi học phần đó.
- 23.4. Điểm bảo lưu không tham gia tính vào điểm trung bình chung học kỳ nhưng tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 24. Các loại điểm

- 24.1. Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ (điểm trung bình chung học kỳ), mỗi năm học hay của khóa học là điểm tính theo kết quả của các học phần mà sinh viên đã đăng ký học tại trường (không tính điểm bảo lưu, điểm I, điểm M).
- 24.2. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học được tính khi sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp là điểm tính theo kết quả của các học phần đạt từ điểm 5,0 trở lên mà sinh viên đã đăng ký học tại trường (kể cả các học phần có điểm bảo lưu).

- 24.3. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình tính theo kết quả của tất cả các học phần mà sinh viên đã đăng ký học (bao gồm cả điểm bảo lưu) từ lúc bắt đầu khóa học đến thời điểm được xem xét.
- 24.4. Cách tính điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy và trung bình tích lũy toàn khóa học được quy định tại điều 25 của quy chế này.
- 24.5. Kết quả học tập của học kỳ hè (nếu có) được tính chung vào học kỳ kế liên trước đó.
- 24.6. Học phần có kết quả từ 5,0 điểm trở lên được bảo lưu khi sinh viên học thêm một ngành học mới trong trường. Điểm bảo lưu được tính vào điểm trung bình tích lũy của ngành học đó.
- 24.7. Không tính kết quả thi các học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất vào điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với học phần này theo quy định riêng của Bộ GD&ĐT.

Điều 25. Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, xếp loại

- 25.1. Điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm từ 0 đến 10 và làm tròn đến 0,5.
- 25.2. Điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy và trung bình tích lũy toàn khóa học được tính đến 2 số thập phân.
- 25.3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, trung bình chung tích lũy và trung bình tích lũy toàn khóa học được tính theo công thức sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình,

a_i là điểm học phần của học phần thứ i trong khoảng thời gian đang xét,

n_i là số tín chỉ tương ứng của học phần thứ i ,

N là tổng số học phần.

25.4. Xếp loại kết quả học tập học kỳ, năm học và tốt nghiệp (tham chiếu đến bảng Xếp loại và thang điểm tương ứng tại điều 20 của quy chế này).

Điều 26. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, kết thúc học phần

26.1. Việc kiểm tra giữa học kỳ do cán bộ giảng dạy học phần đó chuẩn bị theo đúng chương trình đã công bố từ đầu học kỳ, được Trưởng khoa hoặc Trưởng bộ môn duyệt và phải được tổ chức tập trung cùng thời gian do trường quy định.

26.2. Cuối học kỳ bắt buộc phải có điểm thi kết thúc học phần, chiếm tỷ lệ tối thiểu là 50%. Hình thức thi học phần có thể là thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Các lớp học cùng một học phần trong một học kỳ bắt buộc phải thi cùng một đề thi.

Hiệu trưởng hoặc người được Hiệu trưởng ủy quyền duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần theo đề nghị của Trưởng khoa hoặc Trưởng bộ môn.

26.3. Quy trình chấm thi kết thúc học phần do Hiệu trưởng quy định tùy theo hình thức thi, sao cho bảo đảm tính công bằng và nghiêm túc. Riêng hình thức thi vấn đáp thì phải có ít nhất 2 giảng viên có trình độ tối thiểu phải tương đương với giảng viên lý thuyết của học phần đó cùng chấm.

26.4. Các bảng điểm thi (theo mẫu của Trường) phải có chữ ký của cán bộ chấm thi, có xác nhận của Trưởng bộ môn hoặc Trưởng khoa và phải được gửi về văn phòng khoa, P. ĐTĐH của trường, chậm nhất là 14 ngày sau khi thi.

26.5. Kết quả thi phải được thông báo công khai, rõ ràng sau mỗi kỳ thi.

Điều 27. Chấm phúc tra

Sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc tra kết quả thi cuối học kỳ bằng cách

nộp đơn xin phúc tra kết quả thi gửi đến P. ĐTDH và phải đóng lệ phí do Trường quy định.

Quy trình chấm phúc tra do Hiệu trưởng ban hành.

Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy chế thi, kiểm tra

28.1. Mức độ sai phạm và khung xử lý sai phạm đối với sinh viên và cán bộ trong khi thi, chấm thi được thực hiện theo quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT.

28.2. Trong các đợt kiểm tra thường kỳ, thi kết thúc học phần, thi cuối khóa, bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý đối với từng bài kiểm tra, từng học phần đã vi phạm.

28.3. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị xử lý buộc thôi học.

Điều 29. Xin cấp bằng điểm

Trong quá trình học tập, sinh viên có thể đề nghị trường cấp bằng điểm. Để thực hiện công việc này sinh viên phải làm đơn và nộp lệ phí tại P. ĐTDH theo quy định của Trường.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được cấp một bằng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp.

Chương 4. CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 30. Thực tập, làm khoá luận hoặc học chuyên đề tốt nghiệp

30.1. Thực tập tốt nghiệp

- Là học phần bắt buộc và tiên quyết trước khi sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đối với các ngành đào tạo kỹ sư, có khối lượng là 3 tín chỉ.
- Sinh viên thực tập tốt nghiệp trong thời gian tối thiểu là 10 tuần, dưới sự hướng dẫn của một giảng viên do khoa phân công.

30.2. Để hoàn tất chương trình giáo dục bậc đại học, sinh viên phải thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các chuyên đề tốt nghiệp.

30.3. Làm khóa luận tốt nghiệp

- Vào đầu học kỳ cuối của khóa học, sinh viên đăng ký làm khóa luận theo quy trình đăng ký học phần.
- Sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp khi thỏa các yêu cầu sau:
 - o Không còn nợ bất kỳ học phần nào trong khối kiến thức đại cương và cơ sở nhóm ngành.
 - o Không được phép nợ quá 2 môn chuyên ngành.
 - o Có điểm trung bình tích lũy tính đến thời điểm xét làm khóa luận tốt nghiệp tối thiểu 6,5 hoặc cao hơn theo yêu cầu cụ thể của từng Khoa.
- Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận sẽ được khoa chuyên môn giao đề tài.
- Sinh viên thực hiện khóa luận trong thời gian là một học kỳ chính. Trường hợp đặc biệt, đề tài khóa luận cần phải làm những thí nghiệm kéo dài thì cán bộ hướng dẫn có thể giao đề tài sớm hơn. Khoa gửi danh sách giao đề tài khóa luận cho P. ĐTDH muộn nhất là 2 tuần kể từ khi hoàn tất việc giao đề tài cho sinh viên. Căn cứ đề nghị của Trưởng P. ĐTDH và Trưởng khoa, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.
- Sinh viên chỉ được bảo vệ khóa luận khi :

- Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình giáo dục theo ngành học của mình, bao gồm cả thực tập tốt nghiệp.
 - Hoàn thành khóa luận và được sự đồng ý bằng văn bản của giáo viên hướng dẫn.
- Hằng năm sẽ có 2 đợt bảo vệ khóa luận tốt nghiệp: tháng 3 và tháng 7. Nếu hết thời gian thực hiện khóa luận theo quy định mà sinh viên không ra bảo vệ hoặc không được giáo viên hướng dẫn đồng ý cho ra bảo vệ vào đúng đợt bảo vệ chính thức xem như rút học phần này, điểm khóa luận được ghi là không (0) và không được tiếp tục thực hiện khóa luận.

30.4. Sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc không được tiếp tục thực hiện khóa luận hoặc có điểm khóa luận sau khi ra hội đồng bảo vệ dưới 5 sẽ phải học các môn chuyên đề tốt nghiệp sao cho tổng số tín chỉ tối thiểu là 10 tín chỉ.

Điều 31. Chăm thực tập, khóa luận tốt nghiệp

31.1. Chăm kết quả thực tập, khóa luận được thực hiện bởi hội đồng do khoa đề nghị và Hiệu trưởng ký quyết định thành lập.

- Số thành viên của hội đồng chăm thực tập tốt nghiệp là 3 người, bao gồm giáo viên hướng dẫn.
- Số thành viên của hội đồng chăm khóa luận tốt nghiệp là từ 3 đến 5 người, người hướng dẫn và phản biện có thể không thuộc hội đồng.
- Thành viên của hội đồng là giảng viên của trường hoặc có thể mời những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài trường.

31.2. Điểm chăm khóa luận cho theo thang điểm 10 (lẻ đến 0,5) của mỗi thành viên hội đồng, người hướng dẫn và người phản biện. Điểm tổng kết là trung bình cộng (làm tròn đến 0,1):

- Điểm hệ số 1 của tất cả thành viên hội đồng (ngoại trừ người hướng dẫn và phản biện nếu người hướng dẫn và phản biện có trong hội đồng).
- Điểm hệ số 2 của người hướng dẫn và phản biện.

31.3. Điểm chấm thực tập tốt nghiệp cho theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5) của mỗi thành viên hội đồng; điểm tổng kết là trung bình cộng làm tròn đến 0,5 của các thành viên hội đồng (không tính hệ số).

31.4. Kết quả chấm thực tập, khoá luận phải được công bố sau mỗi buổi bảo vệ, mỗi buổi báo cáo và được tính vào trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

Điều 32. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

32.1. Cuối mỗi học kỳ, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây có thể làm đơn gửi hội đồng xét tốt nghiệp :

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.
- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí.
- Đã tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho ngành đào tạo mà sinh viên xin xét tốt nghiệp.
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và chứng chỉ giáo dục thể chất.
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của trường.
- Đạt điểm rèn luyện tích lũy tối thiểu là 50 điểm.
- Đã đạt thời lượng học tối thiểu của khóa học được quy định tại khoản 2 điều 6.

32.2. Căn cứ biên bản và đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện theo quy định.

32.3. Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm chủ tịch, Trưởng P. ĐTDH làm thư ký và các thành viên là Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác sinh viên.

Điều 33. Cấp bằng tốt nghiệp

33.1. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo, nếu sinh viên tốt nghiệp ngành đào tạo thứ hai theo quy định tại điều 17 của quy chế này cũng sẽ được cấp bằng tốt nghiệp chuyên ngành phụ. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên bằng. Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học quy định tại khoản 4, điều 25 của quy chế này và theo điểm rèn luyện tích lũy.

33.2. Đối với những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa đạt xuất sắc hoặc giỏi, loại tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc nếu rơi vào 1 trong các trường hợp sau:

- Có thời gian học tập tại trường vượt quá 02 học kỳ so với thời gian thiết kế được quy định tại khoản 1, điều 6 của quy chế này.
- Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo ở cấp trường trở lên.
- Có số tín chỉ học lại vượt quá 5% tổng số tín chỉ toàn khóa.

- 33.3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành hoặc chuyên ngành phụ (nếu có) và điểm rèn luyện tích lũy của toàn khóa học.
- 33.4. Những sinh viên không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp nhưng chưa hết thời gian tối đa được phép học, được bảo lưu các học phần có kết quả từ điểm 5,0 trở lên. Trong thời gian tối đa được phép học như quy định tại khoản 2, điều 6 của quy chế này, sinh viên được trở về Trường đăng ký học lại và thi cho những học phần bị điểm dưới 5,0 hoặc chưa học.
- 33.5. Những sinh viên đã hết thời hạn tối đa cho phép học nhưng không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp và những sinh viên thôi học được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của trường.

Chương 5. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 01 năm 2013.

Trong phạm vi của mình, quy chế này là quy định đầy đủ và cao nhất áp dụng cho toàn thể sinh viên trong quá trình theo học bậc đại học chính quy tại trường ĐHCNTT.

Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy chế do Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Dương Anh Đức